TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/DS-ST
Ngày 12 - 02 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐXXST-DS ngày 28/11/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên toà số: 214/TB-TA ngày 15/12/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 123/2025/QĐST-DS ngày 30/12/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 14/2026/QĐST-DS ngày 30/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh ngày 17/7/1962. CCCD số: 024162003000, ngày cấp 15/11/2024. Nơi cư trú: Thôn T, xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Ngô Thị H1, sinh ngày 15/01/1968. CCCD số: 024168005647, ngày cấp 12/12/2022. Nơi cư trú: Thôn V, xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn bà Ngô Thị Huệ: Ông Phan Văn Tiền, Luật sư, Văn phòng luật sư Phan Tiền và cộng sự, đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. Địa chỉ: Số nhà 87, đường Nguyễn Đình Chính, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày*: Bà có chồng là Ngô Minh T, sinh năm 1958, vợ chồng bà sinh được 2 người con là Ngô Minh T1, sinh năm 1983, hiện lấy vợ ở riêng tại khu Bách Việt, phường Bắc Giang. Ngô Thị Phương T2, sinh năm 1985, hiện lấy chồng ở thôn D, xã Tân Dĩnh. Bà với bà H1 là quan hệ hàng xóm, bà có cho bà H1 vay mượn tiền một số lần, hiện bà không thể nhớ hết các lần cho bà H1 vay cụ thể. Các lần bà cho bà H1 vay đều được ghi vào quyển vở học sinh để theo dõi, các lần trả cũng được ghi vào đó, sau khi trả xong sẽ gạch đi. Bà cho bà H1 vay từ trong khoảng các năm 2009, 2010. Từ năm 2011 đến nay bà không cho bà H1 vay đồng nào. Nguồn tiền bà cho bà H1 vay là tiền của cá nhân bà, không liên quan gì đến chồng con bà. Hiện các quyển vở theo dõi cho bà H1 vay và trả nợ năm 2009 và 2010 bà đã vứt bỏ đi vì các bên đã thanh toán cho nhau xong. Bà chỉ giữ lại một tờ giấy có nội dung chiều ngày 06/9/20210 bà H1 vay của bà ba trăm triệu đồng, bà đã nộp bản gốc cho Toà án ngày 16/10/2025. Sau lần vay này bà H1 còn vay của bà 2 lần nữa cụ thể ngày 10/9/2010 bà H1 vay của bà 80.000.000đ và ngày 22/9/2010 bà H1 vay của bà 160.000.000đ được ghi ở mặt sau tờ giấy này, nhưng hai lần vay sau cùng này bà H1 đã trả cho bà xong cả gốc và lãi suất, bà H1 đã tự tay gạch sổ và ghi trả hết.

Từ sau ngày 25/9/2010 (ngày bà H1 trả 160.000.000đ tiền gốc và lãi suất) thì giữa bà và bà H1 không còn cho nhau vay mượn gì, bà không cho bà H1 vay tiền và bà H1 cũng không cho bà vay tiền, hai bên không có sự kiện pháp lý vướng mắc liên quan gì đến nhau.

Tuy nhiên đến khoảng tháng 4/2025 bà có lật lại sổ sách theo dõi công nợ, thì phát hiện bà H1 vẫn còn nợ bà một khoản vay nợ 300.000.000đ vào buổi chiều ngày 06/9/2010 chưa trả. Bà xin trình bày nội dung ghi cụ thể tại mặt trước trong tờ giấy này như sau:

Tại tờ giấy này từ dòng thứ 01 đến dòng thứ 05 từ trên xuống mặt trước bà H1 đã tự tay ghi "*ngày 2-9-2010 chiều em H1 vay của chị H số tiền là 90.000.000 (chín mươi triệu chẵn)*". Số tiền này bà H1 đã thanh toán trả hết cho bà và đã ghi chữ trả hết.

Từ dòng thứ 6 đến dòng thứ 11 từ trên xuống mặt trước bà H1 đã tự tay ghi "*ngày 4-9-2010 em H1 vay của chị H số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu chẵn)*". Số tiền này bà H1 đã trả hết cho bà.

Tại dòng thứ 10 thứ 11 từ trên xuống mặt trước bà có tự tay ghi "*ngày 5-9-2010 (tối) (cộng đến 23/4) mợ H1 trả 60.000.000đ (22/6)*". Có nghĩa là bà H1 đã trả nợ cho bà đến hết ngày 22/6/2010.

Tại dòng thứ 12 từ trên xuống mặt trước bà H1 có tự tay ghi "*7-9 trả anh T 70.000.000đ*". Thực chất số tiền này bà H1 có trả bà đủ 70.000.000đ, khi trả chỉ có ông T ở nhà, nhưng ông T không cầm, không đếm, mà bà H1 chỉ gói để ở bàn nhà bà, khi bà

về bà đã nhận đếm đủ 70.000.000đ. Hôm sau bà H1 lên bà có đưa sổ cho bà H1 tự tay ghi vào sổ như vậy. Đây là số tiền bà H1 trả bà cho khoản vay cũ trước đó ở tờ giấy trước trong quyển sổ theo dõi này, hiện bà đã huỷ bỏ toàn bộ các tờ giấy khác trong quyển sổ này, nên không nhớ cụ thể bà H1 trả cho khoản vay nào.

Tại dòng thứ 13 từ trên xuống mặt trước bà có tự tay ghi "*10-9 trả 110.000.000 – 19/8 trả 100.000.000*". Thực chất ngày 10/9/2010 bà H1 trả bà 110.000.000đ. Đây là số tiền bà H1 trả bà cho khoản vay cũ trước đó 30.000.000đ ở tờ giấy trước trong quyển sổ theo dõi này, hiện bà đã huỷ bỏ toàn bộ các tờ giấy khác trong quyển sổ này, nên không nhớ cụ thể bà H1 trả cho khoản vay nào. Cộng với 80.000.000đ của khoản vay cùng ngày 10/9/2010 được ghi ở mặt sau của tờ giấy này. Đối với mục "*19/8 trả 100.000.000*". Cụ thể, đây là số tiền bà H1 trả bà cho khoản vay cũ trước đó 100.000.000đ ở tờ giấy trước trong quyển sổ theo dõi này, hiện bà đã huỷ bỏ toàn bộ các tờ giấy khác trong quyển sổ này, nên không nhớ cụ thể bà H1 trả cho khoản vay nào.

Từ dòng thứ 14 đến dòng thứ 18 (cuối mặt trước) từ trên xuống mặt trước bà H1 có tự tay ghi "*Chiều 6-9-2010 em H1 vay chị H 300.000.000 (ba trăm triệu chẵn) H1 Ngô Thị H1*". Đây là khoản bà H1 vay của bà hiện chưa trả bà đồng nào. Nay bà đề nghị Toà án buộc bà H1 phải có trách nhiệm trả bà 300.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử vụ án.

* *Bị đơn bà Ngô Thị H1 trình bày*: Hồi Chiều ngày 06/9/2010 bà có vay của bà Ngô Thị H 300.000.000đ để bà lấy hàng cám chăn nuôi lợn lãi suất 45%/ngày tức là 150.000đ/100 triệu/ngày. Đến ngày 07/9/2010 bà trả bà H 70.000.000đ (trả thông qua ông T chồng bà H), ông T đem sổ ra tự tay bà ghi trả trực tiếp vào sổ bà H và đến ngày 10/9/2010 bà trả bà H 110.000.000đ, trả trực tiếp cho bà H, tự tay bà ghi trả vào sổ bà H và đến ngày 19/8 âm lịch tức ngày 26/9/2010 dương lịch bà trả bà H 100.000.000đ, tự tay bà ghi trả vào sổ theo dõi của bà H. Tổng cộng 03 lần bà trả bà H 280.000.000đ. Còn lại 20.000.000đ gốc và lãi 6.105.000đ bà đã thanh toán cho bà H đầy đủ vào ngày 30/10/2010. Khi trả khoản gốc 20.000.000đ và lãi 6.105.000đ bà trả trực tiếp ở nhà bà H, khi đó bà H nhận đủ tiền, không ghi sổ bà H, mà bà chỉ bảo bà H xoá sổ nợ đi, sau đó bà đi về. Sau đó bà H không xoá, tháng 6/2025 bà H đã khởi kiện bà để đòi khoản tiền này, đến tháng 8/2025 bà H rút đơn khởi kiện, bây giờ bà H lại khởi kiện bà. Số tiền 20.000.000đ gốc và lãi 6.105.000đ sau khi trả bà có ghi sổ theo dõi ở nhà bà, bà H không ký, sổ này do làm nhà di chuyển nhiều lần nên bà không còn lưu giữ được, không thể cung cấp được cho Toà án.

Đến ngày 05/10/2024 khi bão đến Làng Nủ, lũ quét bà H nói chuyện với bà mua gạo của bà để đi từ thiện làng Nủ, bà đã bán gạo cho bà H không tính lãi, nhưng bà H không

làm từ thiện và mang gạo của bà đi bán ở chợ gạo Bắc Giang. Ngày 05/10/2024 bà H Bán 01 xe gạo cho chị T3 ở chợ Gạo Bắc Giang (cảng á lữ chợ thương) chị T3 đã chuyển trả tiền gạo xe ô tô này cho bà H. Ngày 06/10/2024 bà H lấy tiếp 01 xe gạo nữa, bà phát hiện ra bà H mang gạo đi bán cho chị T3 không phải đi làm từ thiện nên bà đã đòi lại, bà phải thuê bốc vác gạo lên xe mang về, còn tiền gạo chuyến trước chị T3 đã trả cho bà H, bà đã đòi nhiều lần đến tháng 02/2025 Bà H mới trả cho bà (do con bà H anh T1 trả cho bà). Như vậy toàn bộ tiền bạc liên quan đến 02 xe ô tô gạo do bà H lấy của nhà bà để đi làm từ thiện hai bên đã thanh toán xong, không còn liên quan nợ nần gì nhau, bà chỉ mất công thuê người bốc gạo. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì bà đã trả bà H hết cả tiền gốc và lãi suất của khoản nợ này cho bà H.

Tại phiên tòa hôm nay bà H có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Các lần bà cho bà H1 vay tiền đều là cho vay nóng, giúp đỡ nhau, không tính lãi suất, nếu có trả lãi suất thì cũng chỉ tính bằng lãi suất ngân hàng, không rõ cụ thể lãi suất là bao nhiêu, không xác định thời gian trả nợ cụ thể. Do công việc bận nên đầu năm 2025 bà mới có thời gian mở sổ theo dõi cho vay và trả nợ đối với bà H1, thì mới xác định được bà H1 còn nợ bà khoản tiền vay chiều ngày 06/9/2010 chưa trả, nên bà đã giữ lại tờ giấy này, còn các tờ giấy khác ghi bà H1 vay tiền và trả nợ trong sổ này bà đã huỷ bỏ toàn bộ. Bà H1 có mặt giữ nguyên yêu cầu trên.

Ý kiến của luật sư Phan Văn Tiền: Đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà H có mặt, bà H1 có mặt. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H. Buộc bà Ngô Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán trả bà Ngô Thị H 20.000.000đ tiền gốc và 30.866.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 50.866.000đ (năm mươi triệu tám trăm sáu sáu nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H đòi bà Ngô Thị H1 phải trả 280.000.000đ tiền gốc và 432.134.000đ tiền lãi suất, tổng cộng cả gốc và lãi suất là

712.134.000đ (bẩy trăm mười hai triệu một trăm ba tư nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Ngô Thị H, khởi kiện đòi tiền cho vay đối với bà Ngô Thị H1. Nơi cư trú: Thôn V, xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Theo tờ giấy có nội dung ghi vay tiền do bà H xuất trình, thì bà H có cho bà H1 vay 300.000.000đ. Nay bà H yêu cầu bà H1 phải trả cho bà H 300.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử vụ án. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay bà H, bà H1 đều có mặt. Nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc:

[2.1] Số tiền gốc bà H cho bà H1 vay 300.000.000đ, phù hợp với bản gốc tờ giấy có nội dung ghi tại dòng thứ 1, 2, 3, 4, 5 từ dưới lên (tức từ dòng thứ 14 đến dòng thứ 18 từ trên xuống): "*chiều ngày 6-9-2010 em H1 vay chị H 300.000.000 (ba trăm triệu chẵn)*" dòng dưới tiếp theo là chữ ký, chữ viết Ngô Thị H1, như Biên bản giao nhận tài liệu chứng cứ ngày 16/10/2025 của Toà án đã mô tả rõ. Bà H1 thừa nhận tự tay bà H1 viết những dòng chữ này và ký nhận là đúng. Như vậy cần xác định có sự việc chiều ngày 06/9/2010 bà H1 có vay của bà H 300.000.000đ là đúng.

[2.2] Tuy nhiên mặt trước phía trên đoạn ghi trong tờ giấy này có ghi một số thông tin bằng mực mầu xanh và mực mầu đen có chỗ bị gạch xoá. Phía mặt sau tờ giấy này có ghi một số thông tin bằng mực mầu đen và mực mầu xanh đã bị gạch xoá. Căn cứ lời khai của bà H, bà H1 xác định được, việc ghi tại mặt trước trong tờ giấy này thể hiện cụ thể như sau:

[2.2.1]: Từ dòng thứ 01 đến dòng thứ 05 từ trên xuống mặt trước bà H1 đã tự tay ghi "*ngày 2-9-2010 chiều em H1 vay của chị H số tiền là 90.000.000 (chín mươi triệu chẵn)*" bằng mặc mầu đen, bên cạnh đó có ghi chữ "*Trả hết*" bằng mực mầu xanh và gạch xoá toàn bộ. Số tiền này bà H, bà H1 xác định bà H1 có vay của bà H số tiền trên, đã thanh toán trả hết không liên quan đến vụ án này.

[2.2.2] Từ dòng thứ 6 đến dòng thứ 11 từ trên xuống mặt trước bà H1 đã tự tay ghi "*ngày 4-9-2010 em H1 vay của chị H số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu chẵn)*" bằng mực mầu xanh. Số tiền này bà H, bà H1 xác định bà H1 có vay của bà H số tiền trên, đã thanh toán trả hết không liên quan đến vụ án này.

[2.2.3] Tại dòng thứ 10 thứ 11 từ trên xuống mặt trước con gái bà H (Ngô Thị Phương T2) có tự tay ghi "*ngày 5-9-2010 (tối) mợ H1 trả 60.000.00đ*" bằng mực mầu xanh. Số tiền này bà H, bà H1 xác định bà H1 đã thanh toán trả cho bà H số tiền còn nợ trước ngày 05/9/2010 không liên quan đến vụ án này.

[2.2.4] Tại dòng thứ 12 từ trên xuống mặt trước bà H1 có tự tay ghi "*7-9 trả anh T 70.000.000đ*" bằng mực mầu đen. Bà H xác định đã nhận của bà H1 70.000.000đ và cho rằng đây là số tiền bà H1 trả bà cho khoản vay cũ trước đó ở tờ giấy trước trong quyển sổ theo dõi này, hiện bà đã huỷ bỏ toàn bộ các tờ giấy khác trong quyển sổ này, nên không nhớ cụ thể bà H1 trả cho khoản vay nào. Bà H1 xác định đây là khoản tiền bà H1 trả cho khoản vay 300.0000.000đ của bà H chiều ngày 06/9/2010. Như vậy cần xác định đây là khoản tiền bà H1 đã trả bà H, cho khoản tiền bà H1 vay 300.0000.000đ của bà H chiều ngày 06/9/2010, là có căn cứ.

[2.2.5] Tại dòng thứ 13 từ trên xuống mặt trước bà H1 có tự tay ghi "*10-9 trả 110.000.000 – 19/8 trả 100.000.000*", trong đó đoạn ghi "*10-9 trả 110.000.000*" bằng mực mầu xanh và đoạn ghi "*– 19/8 trả 100.000.000*" bằng mực mầu đen. Bà H xác định ngày 10/9/2010 bà H có nhận của bà H1 110.000.000đ, đây là số tiền bà H1 trả bà cho khoản vay cũ trước đó 30.000.000đ ở tờ giấy trước trong quyển sổ theo dõi này, hiện bà đã huỷ bỏ toàn bộ các tờ giấy khác trong quyển sổ này, nên không nhớ cụ thể bà H1 trả cho khoản vay nào, cộng với 80.000.000đ của khoản vay cùng ngày 10/9/2010 được ghi ở mặt sau của tờ giấy này. Đối với mục ghi "*19/8 trả 100.000.000*". Bà H xác định đây là số tiền bà H1 trả bà cho khoản vay cũ trước đó 100.000.000đ ở tờ giấy trước trong quyển sổ theo dõi này, hiện bà đã huỷ bỏ toàn bộ các tờ giấy khác trong quyển sổ này, nên không nhớ cụ thể bà H1 trả cho khoản vay nào. Bà H1 xác định ngày 10/9/2010 bà H1 trả bà H 110.000.000đ cho khoản vay 300.0000.000đ của bà H chiều ngày 06/9/2010. Tiếp đó ngày 19/8 âm lịch tức ngày 26/9/2010 dương lịch bà H1 trả bà H 100.000.000đ cho khoản vay 300.0000.000đ của bà H chiều ngày 06/9/2010, mỗi lần trả xong tự tay bà

H1 ghi vào sổ theo dõi của bà H. Như vậy có đủ cơ sở xác định ngày 10/9/2010 bà H1 trả bà H 110.000.000đ và ngày 19/8 âm lịch tức ngày 26/9/2010 dương lịch bà H1 trả bà H 100.000.000đ, cả hai lần trả này bà H1 đều trả cho khoản vay 300.0000.000đ của bà H chiều ngày 06/9/2010. Việc bà H cho rằng ngày 10/9/2010 bà H1 trả bà 110.000.000đ, trong đó có 80.000.000đ là tiền bà H1 vay cùng ngày 10/9/2010 được ghi ở mặt sau tờ giấy là không có căn cứ. Vì ở mặt sau tờ giấy được ghi những phát sinh sau bằng mực mầu đen và mực mầu xanh, đều xác định đã trả hết, trả cả gốc, lãi và được gạch sổ rõ ràng.

[2.2.6] Như vậy xác định được chiều ngày 06/9/2010 bà H có cho bà H1 vay 300.0000.000đ, ngày 07/9/2010 bà H1 trả bà H được 70.000.000đ, ngày 10/9/2010 bà H1 trả bà H được 110.000.000đ, tiếp đến ngày 19/8 âm lịch tức ngày 26/9/2010 dương lịch bà H1 trả bà H 100.000.000đ. Tổng cộng bà H1 đã trả bà H được 280.000.000đ, hiện bà H1 còn nợ bà H 20.000.000đ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm trả bà H 300.000.000đ tiền gốc là chưa đủ cơ sở, mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc bà H1 phải có trách nhiệm thanh toán trả bà H 20.000.000đ tiền gốc là có căn cứ. Không chấp chận yêu cầu khởi kiện của bà H đòi bà H1 280.000.000đ tiền gốc.

[3] Về yêu cầu đòi tiền lãi suất:

[3.1] Khi vay các bên không thoả thuận lãi suất. Nay bà H yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm trả bà H lãi suất tính theo pháp luật trên khoản tiền khởi kiện đòi là 300.000.000đ từ ngày 06/9/2010 đến ngày xét xử vụ án. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu lãi suất của khoản tiền gốc còn nợ 20.000.000đ, sẽ được tính lãi theo pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử vụ án. Không chấp nhận khoản tiền lãi suất của 280.000.000đ từ khi vay đến ngày xét xử vụ án. Tiền lãi sẽ được được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được tính cụ thể như sau:

[3.2] Từ ngày 06/9/2010 đến ngày 12/02/2026 là 15 năm 5 tháng 6 ngày. Lãi suất cụ thể của khoản gốc 20.000.000đ được chấp nhận là 20.000.000đ x 10%/năm x 15 năm 5 tháng 6 ngày = 30.866.000đ. Lãi suất cụ thể của khoản gốc không được chấp nhận là 280.000.000đ x 10%/năm x 15 năm 5 tháng 6 ngày = 432.134.000đ.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H. Buộc bà Ngô Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán trả bà Ngô Thị H 20.000.000đ tiền gốc và 30.866.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 50.866.000đ (năm mươi triệu tám trăm sáu sáu nghìn đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H đòi bà Ngô Thị H1 phải trả 280.000.000đ tiền gốc và 432.134.000đ tiền lãi suất, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 712.134.000đ (bẩy trăm

mười hai triệu một trăm ba tư nghìn đồng). Xét là phù hợp Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bà H1 phải chịu một phần tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Toà án chấp nhận. Nhưng bà H là người cao tuổi cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H. Buộc bà Ngô Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán trả bà Ngô Thị H 20.000.000đ tiền gốc và 30.866.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 50.866.000đ (năm mươi triệu tám trăm sáu sáu nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H đòi bà Ngô Thị H1 phải trả 280.000.000đ tiền gốc và 432.134.000đ tiền lãi suất, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 712.134.000đ (bẩy trăm mười hai triệu một trăm ba tư nghìn đồng).

2. Về án phí: Bà Ngô Thị H1 phải chịu 2.543.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Thị H.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo Bản án trong hời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi